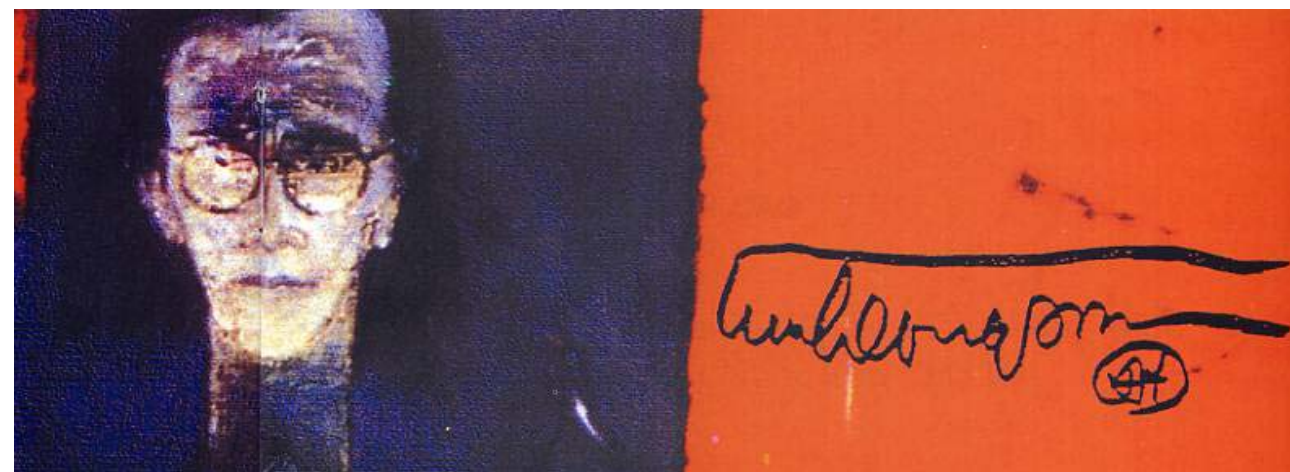


Đôi lời về Trịnh Công Sơn

チン・コン・ソンに関するいくつかの意見





Amphibious Form



チン コン ソン
Trịnh Công Sơn (1939-2001)

Ba nhạc sỹ Việt nam nhiều ảnh hưởng 影響が大きな3人のベトナム人音楽家



ファミズウイ
Phạm Duy (1921-)



チンコンソン
Trịnh Công Sơn (1939-2001)



バンカオ
Văn Cao (1923-1997)



Về Trịnh Công Sơn

チン・コン・ソンについて

- Tiểu sử 略歴
- Âm nhạc 音楽
- Hội họa 絵画
- Văn thơ 詩文
- Khánh Ly và Trịnh Công Sơn
カイン・リーとチン・コン・ソン
- Trịnh Công Sơn với người Việt
チン・コン・ソンとベトナム人について



Người hát rong

辻音楽師

- "Tôi chỉ là một tên hát rong đi qua miền đất này để hát lên những linh cảm của mình về những giấc mơ đời hư ảo..."

「私は人生の幻想的な夢について自分の
靈感を歌い上げる辻音楽師にすぎない」

- "Sơn đã hát về quê hương đất nước bằng cả tấm lòng của một đứa con biết vui tận cùng những niềm vui, và biết đau đến tận cùng những nỗi đau của Tổ Quốc Mẹ hiền" (Văn Cao)

「チン・コン・ソン氏は、母国の最も嬉しいことや痛ましいことを味わえる人間の心で、故郷や故国について歌っていた」

バン・カオより



Tiểu sử 略歴

- 1939 チン・コン・ソン、ダクラク省バンメトートで誕生（10歳までフエで過ごし、その後サイゴンに移る）
- 1940 日本軍、フランス領インドシナ北部に進駐（1945年までフランスと二重支配。45年3月から8月までは単独支配）
- 1945.9.2 ベトナム民主共和国独立宣言
- 1946～54 抗仏戦争（第一次インドシナ戦争）
- 1954 ジュネーブ協定でベトナムは南北に分断
- 1958 サイゴン大学在学中に創作開始。最初の作「まつげを濡らして Uot mi」。60年代前半に有名シンガーソングライターとなる
- 1960 ベトナム南部開放民族戦線結成
- 1965～73 米軍、北爆と南ベトナムへの地上軍派兵など直接介入（ベトナム戦争）



Tiểu sử 略歴



Một bức ảnh về
gây bất ngờ
Trình Công Sơn
(trái)
chụp chung với
Charlie Chaplin
(vua hề Charlot)
và con gái ông
Geraldine
Chaplin
tại khách sạn
Moris (Huế)
năm 1959
khi Sơn 20 tuổi



- 1967~ ハノイ出身の女性歌手カイン・リー (Khanh Ly 1945~) と組んで不動の名声 (「美しい昔 Diem xua」、「白い夏 Ha trang」など)。反戦歌も次々作曲 (62年2月、毎日放送TVが「お眠り坊や Ngu di con」を紹介、訳詞「坊や大きくならないで」が複数の歌手によってヒット)
- 1970 大阪万博にカイン・リーが出演、「美しい昔」他の日本語レコードも発売 (78年に近藤紘一原作のNHKドラマ「サイゴンから来た妻と娘」の主題歌として「美しい昔」が流される)
- 1972 南ベトナム政権の締め付けで作品を出版できなくなる (渡日もできず)

Tiểu sử 略歴

- 1975 南部完全解放。カイン・リーはポートピアブルとして解放前日アメリカへ脱出。チン・コン・ソンは再教育キャンプに送られ、75年以前の作品は禁止される
- 1980 ソ連（当時）訪問。このころから活発な作曲活動を再開。映画「無人の野」（80年）、「河の女」（87年）等の音楽を担当
- 1986 ベトナム共産党第6回党大会でドイモイ（刷新）政策を開始、チン・コン・ソンの作品も解禁へ
- 1989 「ベトナムの家」の招きでパリ訪問、カリフォルニアから来たカイン・リーと再会
- 1996 大阪アジア文化フォーラムで、歌手ホン・ニユン（Hong Nhung）と共に来日
- 2001.4.1 ホーチミン市で死去。享年62歳



Ba dòng nhạc Trịnh

チン・ゴン・ソンの3つの音楽の流れ



Tình
yêu
恋愛



Quê
hương
故郷

- Hơn 600 bài hát 600曲以上
- Nhiều giải thưởng ở Việt nam
ベトナムにおける多数の賞受賞
- Giải Đĩa vàng ở Nhật 1972 với bài "Ngủ đi con"
1972年に「お眠り坊や」で
日本のゴールデンディスク賞受賞
- Có tên trong Encyclopédie de tous les pays du mond
「世界各国の百科事典」に記載される



Thân
phận
人間の
身分

Tình yêu 恋愛

- **Ảo giác tình yêu.** Trịnh Công Sơn có nhiều mối tình, nguồn cảm hứng để ông tạo ra các ca khúc bất tử, để ca ngợi tình yêu.

恋愛幻想。チン・コン・ソンは恋愛を称賛する不滅歌曲を作曲するために、インスピレーションの源として多くの恋愛をした。

- Tình yêu trong nhạc Trịnh là **điểm tình**. Trịnh ca ngợi vẻ đẹp siêu thực của tình yêu: “tình yêu phải đẹp, đẹp trong từng lời bội bạc, bước chân quay gót, trong dang dở và tan vỡ ...” (Bửu Ý).

チン・コン・ソンの音楽は艶やか。チン・コン・ソンは、恋愛が美しく、恋愛の裏切りや未完成さや崩壊にさえ美しいものだと恋愛の超現実性を称賛した。ビュー・イーより

- Tình yêu là **nỗi ám ảnh** suốt cuộc đời: “Tình ngỡ đã quên đi, nhưng tình bỗng lại về. Người xưa đã xa xăm. Nhưng người vẫn đâu đây” (tình nhớ, tình xa, tình sầu).

恋愛は一生に取り付くもの。「恋は忘れたと思うものの、戻ってくる。昔の人は遠くにいたはずものの、何処かにいるようである」



Tình yêu 恋愛

- “Đó là những khối tình nở ra trong khói lửa, như những cánh hoa xương rồng giữa khô cằn gai góc”.

「枯れた土に生えているミモザの花びらのような、戦争中に生まれた恋愛」

- Tình yêu cứu rỗi: “Sống giữa đời này chỉ có thân phận và tình yêu. Thân phận thì hữu hạn. Tình yêu thì vô hạn. Chúng ta làm cách nào nuôi dưỡng tình yêu để tình yêu có thể cứu chuộc thân phận trên cây thập giá đời”.

救済恋愛。「この世には人間の身分および恋愛しかない。人間の身分は有限で、恋愛は無限。我々は、人生の十字架に身分を救える恋愛を育むことを考えなきゃ」



Diễm xưa 「美しい昔」

- “Diễm là tên của một thiếu nữ. Diễm cũng có nghĩa là đẹp. Diễm xưa là một vẻ đẹp trong quá khứ.”

Diem (美しい) という名の少女への過ぎた恋の想いを歌ったもの。

雨は降り続いて古い塔の上を濡らす
懐かしい君のひとみの輝き
秋の木の葉が雨に打たれて、小さいかかとを擦る
遠い道のりは目を遠くへと誘う
雨は降り続いて小さい木の葉に打ち当たる
雨が過ぎるのを待った午後
君の行った道に静かに木の葉が落ちる
不意に心が痛む
今日もまた雨が降るのに、君は戻ってはこない
心の痛みの中で懐かしみ、なぜ一緒になり、
心の傷を疼かせるのか
急いで帰ろうとする君の歩み
雨が荒波の様な人生に降り注ぐ
石碑が痛みを知らないとなぜ君にはわかるのか
広い大地に雨を降らせておくれ
いつかは小石が互いに必要とする時も来る

(訳：鈴木康央)



Quê hương (Ca khúc da vàng)

故郷 「黄色い肌の歌曲」

- Nhạc Trịnh gắn với nỗi đau chiến tranh của xứ sở và thân phận con người Việt nam: hòa nhập, cảm thông, an ủi, chia sẻ.

チン・コン・ソンの音楽は、故郷の戦争の痛みおよびベトナム人の身分に密接に関係がある。
統合・共感・癒し・共有

- Người phát ngôn của mọi tầng lớp nhân dân sông trong thời chiến tranh (Yoshii Michoko)

戦争時の全ての階層の発言者

ヨシイ ミチヨコより

- “Một ngàn năm đô hộ giặc Tàu. Một trăm năm đô hộ giặc Tây. Hai mươi năm nội chiến từng ngày. Gia tài của mẹ để lại cho con là nước Việt buồn”

「一千年中国の統治下、一百年のフランスの統治下、そして二十年内戦で私からお前への遺産は憂鬱なベトナムだけである」

- “Đại bác đêm đêm vọng về thành phố. Đại bác qua đây đánh thức mẹ dậy. Đại bác qua đây con thơ buồn tủi...” (Đại bác ru đêm)

「大砲の音は毎晩都会に響き、お母さんを起こし、子供達を悲しませる」

「大砲が夜中を癒し」



Quê hương (Ca dao mẹ)

故郷 「ユエの子守唄」

Hai mươi năm đàn con đi lính. Đi rồi không về, đưa con da vàng của mẹ. Ngủ đi con. Ru con. Ru hai lần. Ôi tấm thân này ngày xưa bé bỏng. Mẹ mang đầy bụng mẹ bồng trên tay, ... Sao ngủ tuổi hai mươi” (Ngủ đi con)

お眠り坊や

黄色い肌の私の坊や

私はお前をあやし

傷口を赤く染めた銃弾をあやすの

20年たって

子どもたちは軍隊にとられ

行ったきり戻っては来ない

黄色い肌の私の子

お眠り坊や

あやすのはもう2度目

ああ、この体も昔はあんなに小さかった

胸に抱いたり腕に抱えたりしたのに

ああ

お眠り坊や

「お眠り坊や」



Thân phận 人間の身分

- Hành trình thân phận con người: sự vĩnh cửu trong một thân xác tạm bợ, khoảnh khắc ngắn ngủi của đời người giữa dòng thời gian vô thủy vô chung ...

人間の身分の旅程

(一時的な肉体中の永久、無限の時間の流れの中での短い人生など)

- Về mọi lẽ bất hạnh, nỗi đau của thân phận con người (sinh lão bệnh tử).

人間身分の全ての不幸について
(生・老・病・死)

- Cái chết là về nơi cát bụi, một cõi đi về, ... (trong chiến tranh: chết tình cờ, chết không hẹn hò, nằm chết như mơ)

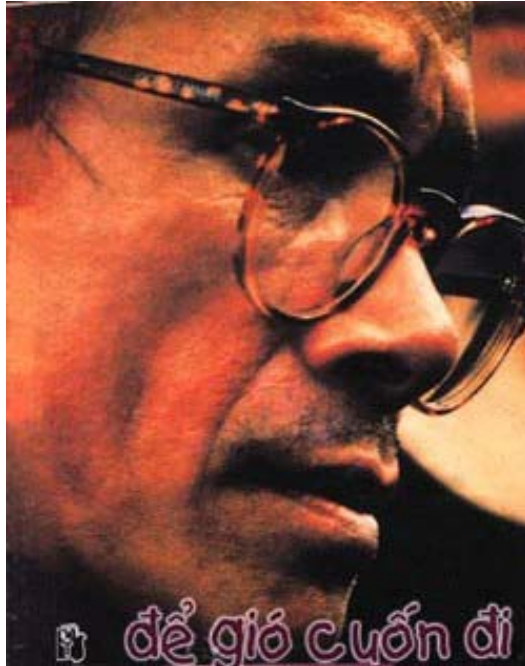
死 (戦争中：偶然の死、思いがけない死、夢のような死)

- Người ta là ai, là gì trong cõi đời này? Dù thoáng chốc trong thế gian vô cùng thì hãy sống cho tận cùng, sống cho đẹp, hãy yêu, yêu cuộc đời và yêu mọi người.

人間とは何か。無限の宇宙に一時的にいたとしても美しく究極に生きて、人生と人々を愛せよ。



Thân phận 人間の身分



- Lòng nhân ái và bao dung: “Sống trong đời sống cần có một tấm lòng, dù không để làm gì cả, dù chỉ để ... gió cuốn đi”

仁愛と包容力。「生きるには例え風に吹かれるためさえも、心が必要である」

- “Cuộc đời đó có bao lâu mà hững hờ”

「人生は短いから、無関心しないで」

- Con chim ở đậu cành tre

Con cá ở trọ trong khe nước nguồn ... Tôi nay ở trọ trần gian.
Trăm năm về chốn xa xăm cuối trời (Ở trọ)

鳥は竹の枝に止まり

魚は泉源に下宿する

僕は今この世に下宿している

百年後は遠くにあるところへ帰るよ

「下宿」

- Đằng sau những giai điệu buồn thê thiết là một sự lựa chọn, một thái độ sống, một cách cư xử đầy tình người, tình đời.

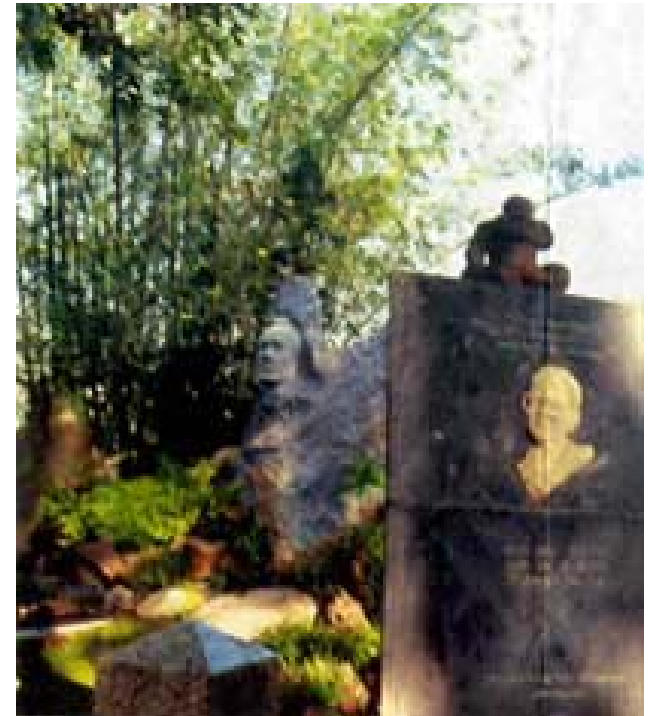
憂鬱なメロディーの裏には選択、生き方、人情厚いふるまいがある。



Me 母親

“Nếu có ai bảo với tôi rằng ở một nơi nào đó có một người xem con mình vừa là mục đích đầu tiên vừa là mục đích cuối cùng của đời mình thì tôi tin rằng người đó không ai khác hơn – đó là mẹ tôi”

「自分の子供を、人生の最初の目的でもあり、最後の目的でもあると考える人がどこかにいれば、その人は間違いなく私の母親である」



Hội họa 絵画



Amel Bohemian

Hội họa

絵画



Khói trời mờnh mờng



Thơ văn 詩文

- Lời trong ca khúc Trịnh Công Sơn đã tạo ra tên tuổi Trịnh Công Sơn. Trịnh đã tạo ra một thứ tiếng Việt độc đáo, lạ lùng, xúc động, không giống bất kỳ ai.

チン・コン・ソンの曲の歌詞はチン・コン・ソンという名を残す。チン・コン・ソンは独特、珍しく、感動の溢れた、誰にも似ていないベトナム語を作った。

- Chỗ hiểu được và không hiểu được xen lẫn nhau trong thơ và nhạc Trịnh. Trịnh Công Sơn viết dễ dàng như lấy đồ trong túi ra, như có thần linh mách bảo.

チン・コン・ソンの詩および音楽には理解できるとできないところが混ざっていて、袋からものを取り出すように簡単に作られ、神様に教えてもらうようである。

- Dòng sông, con đường, hoa cỏ, chim muông, ... “Dòng sông” còn là biểu tượng của dòng đời, dòng chảy thời gian, của chia lìa, mất mát, ... “Con đường” còn là cuộc hành trình, hướng đi, sự lựa chọn, cuộc tìm kiếm, ...

「川、道、花、鳥など」

「川」は人生、時間の流れ、離別、損失の象徴。「道」は旅程、方向、選択、探索を指す。



Với Khánh Ly

カイン・リーについて

- Giọng hát phù hợp nhất, thể hiện đúng tâm trạng bài hát Trịnh Công Sơn nhất (ca khúc da vàng)

チン・コン・ソンの音楽や歌曲の状態
に一番合う歌声。 「黄色い
肌の歌曲」

- Giọng ca khắc khoải, trăn trở, rã rượi, “giọng con chim đau khổ than tiếng, giọng hát mang thương tích, giọng hát chờ theo những nghiệp ngã của thân phận đất nước, những bất hạnh của cả một dân tộc, ...”

悲しく考えさせる歌声。「鳥のしゃが
れの鳴き声で、厳しい状況にある母国、
民族の不幸を反映させる歌声」



Với Khánh Ly

カイン・リーについて

“Từ ông, tôi đã thành danh, và quan trọng hơn là thành nhân. Sống cùng tên tuổi của ông gần 40 năm với những lời ông dặn bảo phải sống giữa đời với một tấm lòng, và sống với người bằng sự tử tế. Ông là một nửa đời sống của tôi”.

「彼のお陰で、一人前になったし、そしてより大切なのが、成人になった。彼の名声とともに40年近くに生きているが、真心で生き、人と接することを教わった。彼は、私の人生の半分である」



Đồng niên gặp lại mới hay -
Nhớ khóm một củ một khoai
củ khoai
Thầy xưa phố cũ một ngày
Thầy xưa phố cũ một ngày
5/11/1992 - Montreal 1992

Trịnh Công Sơn và người Việt

チン・コン・ソンとベトナム人について

- “Trịnh Công Sơn là Nguyễn Du của thế kỷ hai mươi”.
「チン・コン・ソンは20世紀のグエン・ズー文豪」
- “Người viết tình ca hay nhất thế kỷ”
「世紀のベストラブソングライター」
- “Anh đã vắt kiệt tình yêu cho đời. Chữ tâm bằng ba chữ tài” (Thanh Tùng)
「チン氏はこの世のためには愛を搾り切れた。心は才より価値あり」 タイン・トウングより
- “Hình như ai cũng có thể tìm thấy mình trong bài hát của Trịnh Công Sơn. Tôi yêu những bài hát của Trịnh Công Sơn, yêu đến ám ảnh tâm hồn, nhưng không thể cắt nghĩa”
「誰もがチン・コン・ソン氏の歌に自分を見つけることができる。彼の歌を心から愛するが、何故かは理解できない」
- “Anh là người có âm vang vô tận – âm vang của trái tim thiên tài. Một thiên tài không có tuổi” (Nguyễn Duy)
「チン・コン・ソン氏は無限に響いていき、天才の心からの響きだ。年齢のない天才だ。」
グエン・ズウィより



Trình Công Sơn và người Việt

チン・コン・ソンとベトナム人について

- Rừng núi dang tay nối lại biển xanh. Ta đi vòng tay lớn mãi để nối sơn hà, ... Nối tròn một vòng Việt Nam (Nối vòng tay lớn)

森林と山は海まで広がる

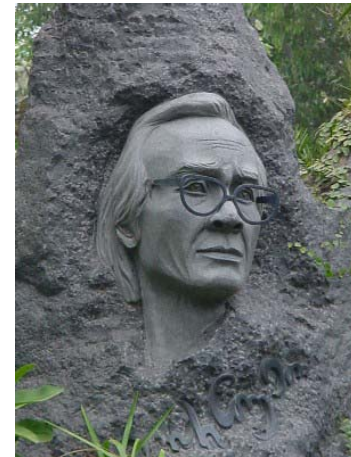
母国が繋がるまで手を繋ぎ頑張ろう

ベトナム全土を一丸に繋ごう

「手を繋ぎ母国のために頑張ろう」

- Thường thức nhạc Trịnh: Cà phê nhạc Trịnh, nơi suy ngẫm chuyện đời, chiêm nghiệm về cõi sống cõi chết, về phân người phận mình, thương tiếc cuộc tình đã mất, ... ?

チン音楽の鑑賞：チン音楽のカフェーでは、人生の考えた、この世と天国、人間の身分、過ぎてしまった恋愛話などの検証





Diễm xưa 美しい昔

Công ty Myrica Music cho biết: Đại học Kansai Gakuin vừa quyết định chọn bài hát *Diễm Xưa* của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn để đưa vào chương trình giáo dục của trường này về bộ môn văn hóa Việt Nam. Đây là lần đầu tiên một nhạc phẩm của một nước Á Châu được đưa vào chương trình giáo dục bậc đại học của Nhật Bản.

ミリカミュージック社によると、関西学院大学は、チン・コン・ソン音楽家の「美しい昔」曲を、カリキュラムのベトナム文化科目に選択したそうである。これは日本の大学レベルに導入された初めてのアジアからの歌曲。





Như một lời chia tay まとめ

- Trinh Công Sơn là một nhạc sĩ trời cho

チン・コン・ソンは天才的な音楽家。

- Anh đã sống với một tâm lòng nặng nợ với quê hương

ベトナム人とベトナム国と密接に作曲していた。

- Có ở trong lòng hầu hết mọi người Việt khắp nơi

チン・コン・ソン音楽は、全てのところに住んでいるベトナム人の心に存在している。

“Đóa hoa vàng mỏng manh cuối trời. Như một lời chia tay”

「彼方にはかない黄色い一本の花。さらばよ」





Tham khảo 参考文献

- "Văn Học Việt Nam"
 - Website của ca sĩ Khánh Ly
 - Trịnh Công Sơn ở "Đặc Trưng"
 - Trịnh Công Sơn ở "Sưu Tập"
 - "Hội Văn Hóa Trịnh Công Sơn" ở Pháp (Association) Culturelle pour l'Oeuvre de Trinh Công Sơn)
 - Trịnh Công Sơn forum ở "Trái Tim Việt Nam"
 - VT's Homepage
 - <http://sandra.iwr.uni-heidelberg.de/~hdminh/musics/TCS/>
 - <http://tcongson.momentumcap.com/home1.html>
 - http://www.saigonmusic.net/lyricsview.cgi?lyric_ID
 - <http://perso.wanadoo.fr/diendan/archpag6/s14p1.html>
 - <http://www1.linkclub.or.jp/~yaksa/dai1.htm>
 - “Trịnh Công Sơn, một người thơ ca, một cõi đi về”
- 



Acknowledgments

- Japan-Vietnam Association in Hokuriku and Mr. Yoshida for organizing this meeting.
- Mr. Tran Tuan Nam for the translation and Ms. Saori Kawasaki for checking Japanese.
- People who participate in the meeting.

